



**CÔNG TY CP XÂY LẮP – CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC  
THỰC PHẨM (MECOFOOD)  
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016**

*(Phụ lục số 04 Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*



*Long An, ngày 8 tháng 03 năm 2017*

## MỤC LỤC

I. Thông tin chung .....	1
1.1. Thông tin khái quát .....	1
1.2. Ngành nghề kinh doanh địa bàn kinh doanh: .....	2
1.2.1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty: .....	2
1.2.2. Địa bàn kinh doanh của Công ty .....	2
1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....	2
1.3.1. Mô hình quản trị .....	2
1.3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý .....	3
1.4. Định hướng phát triển .....	3
1.5. Các rủi ro .....	4
II Tình hình hoạt động trong năm .....	5
2.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 .....	5
2.1.1. Kết quả thực hiện các ngành hàng: .....	5
2.1.2. Mặt hàng lương thực: .....	6
2.1.3. Mặt hàng bao bì – mỹ nghệ: .....	8
2.1.4. Mặt hàng Cơ khí – Bê tông-VLXD: .....	10
2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: .....	13
2.4. Tình hình tài chính: .....	13
2.4.1. Tình hình tài chính .....	13
2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính: .....	14
2.5. Cơ cấu cổ đông .....	14
2.5.1. Cổ phần .....	14
2.5.2. Cơ cấu cổ đông .....	14
2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty .....	14
(báo cáo phát triển bền vững) .....	14
2.6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu .....	14
2.6.2. Tiêu thụ năng lượng .....	15
2.6.3. Tiêu thụ nước (Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm 2016) .....	16
2.6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường .....	16
2.6.5. Chính sách liên quan đến người lao động .....	20
2.6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương .....	20
III. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc .....	20
3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: .....	21
3.2. Kế hoạch phát triển của Công ty trong năm 2017 .....	22
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty .....	24
4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty: .....	24
4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc: .....	24
4.3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị .....	25
V. Quản trị Công ty .....	25
5.1. Hội đồng quản trị .....	25
5.1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT .....	25
5.1.2. Các cuộc họp của HĐQT .....	26
5.1.3. Hoạt động của HĐQT: .....	26
5.2. Ban kiểm soát .....	27
5.2.1. Thành viên Ban kiểm soát: .....	27
5.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát .....	27
5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát .....	28
5.3.1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (người/tháng): .....	28
5.3.2. Giao dịch của cổ đông nội bộ: Không có .....	28
VI. Báo cáo tài chính .....	28
6.1. Kiểm toán độc lập .....	28
6.2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán .....	29

## I. Thông tin chung

### 1.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty CP Xây Lắp – Cơ khí và Lương thực thực phẩm.
- Tên tiếng Anh: Mechanics Contruction and Foodstuff Joint –Stock Company
- Tên viết tắt: MECOFOOD
- Giấy CNĐKKD số: 1100664038 do Sơ kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2005 thay đổi lần thứ 12 ngày 02 tháng 10 năm 2015.
- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng
- Địa chỉ; Số 29 Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP Tân an, tỉnh Long an.
- Số điện thoại: 0723.820509
- Số Fax: 0723.521252
- Email: info@mecofood.com.vn
- Website: www.mecofood.com.vn
- Mã cổ phiếu: MCF

#### **- Quá trình hình thành và phát triển**

#### **+ Những sự kiện quan trọng:**

Thực hiện Nghị quyết số 05/NQ/TW ngày 24/9/2001 của BCHTW khóa IX về chủ trương tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 2/4/2004 Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Lương thực Miền Nam đã có quyết định số 54A/QĐ.HĐQT xóa tên và thực hiện sáp nhập một số đơn vị trực thuộc Công ty Lương Thực Long An vào xí nghiệp Xây Lắp Cơ Khí Nông Nghiệp, bao gồm: Xí nghiệp Chế biến Gạo Đặc Sản, Xí nghiệp Đầu tư Hạ tầng kinh doanh Địa ốc, Trạm thu mua chế biến Lương thực Bình Tịnh và Đội Vận Tải để tiến hành xây dựng phương án cổ phần hóa.

Ngày 09/12/2004 Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và phát triển Nông thôn đã ra quyết định số 4438/QĐ/BNN-TCCB về việc chuyển bộ phận Doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp Xây lắp Cơ khí Nông nghiệp thành Công ty cổ phần với tên gọi đầy đủ là Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm, viết tắt là MECOFOOD.

Ngày 3/2/2005 đơn vị tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp giấy phép kinh doanh số 5003000092 vào ngày 18/02/2005 và Công ty chính thức đi vào hoạt động từ 01/3/2005 với số vốn điều lệ ban đầu là 10.000.000.000 đồng.

Đến ngày 16 tháng 04 năm 2009 Đại hội cổ đông bất thường Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm đã biểu quyết thống nhất việc sáp nhập Công ty CP Nông Sản và Bao Bì Long An vào Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm và tăng vốn điều lệ lên 27.163.400.000 đồng.

Năm 2011, Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm hoạt động với vốn điều lệ là 35.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm đã được giao dịch trên sàn chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 14/02/2011 với mã chứng khoán là MCF.

Ngày 11/11/2011, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua Nghị quyết số 19/NQ-ĐHĐCĐ.MCF V/v Phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ lên 80 tỷ đồng để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh và điều chỉnh kế hoạch năm 2011: lợi nhuận từ 15 tỷ lên 16,5 tỷ đồng, chia cổ tức từ 24% trở lên trong đó chia cổ tức bằng cổ phiếu là 22%.

## **1.2. Ngành nghề kinh doanh địa bàn kinh doanh:**

### **1.2.1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:**

+ Sản xuất, chế biến, kinh doanh xuất nhập khẩu và tiêu thụ nội địa các mặt hàng về lương thực, thực phẩm, nông sản, bao bì các loại, hàng mỹ nghệ từ cây lúa non và rơm sậy;

+ Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc thiết bị chế biến lương thực, thực phẩm, nông sản và sản phẩm cơ khí;

+ Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hoá thủy, bộ;

+ Tư vấn, thiết kế, sản xuất và thi công xây lắp về lĩnh vực cơ khí, điện và xây dựng;

+ Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, bất động sản và đầu tư hạ tầng.

### **1.2.2. Địa bàn kinh doanh của Công ty**

- Địa bàn kinh doanh của Công ty tập trung chủ yếu trong tỉnh Long An và các tỉnh thành lân cận.

## **1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

### **1.3.1. Mô hình quản trị**

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc công ty, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

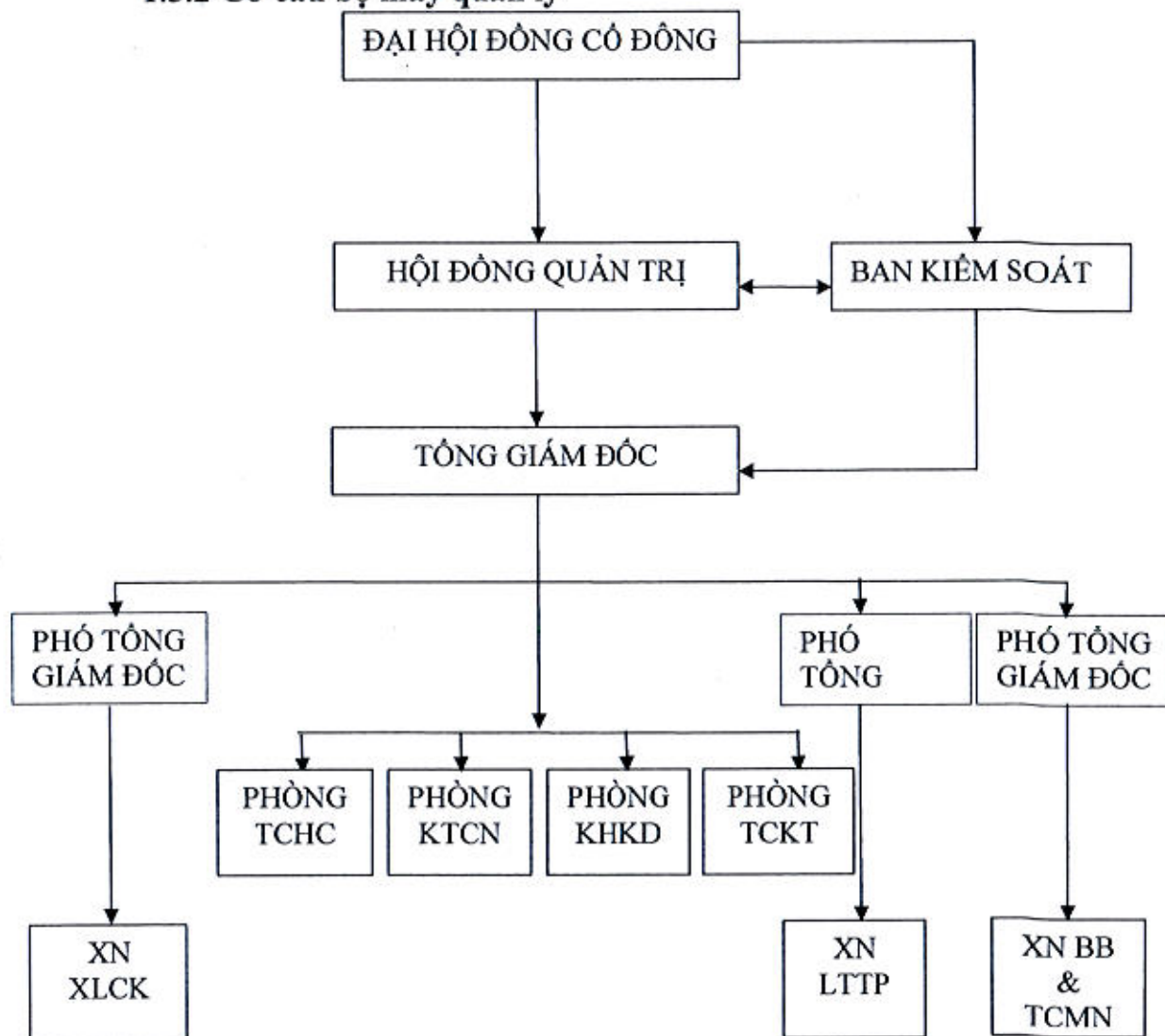
Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan đưa ra những định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, quyết định bộ máy điều hành của công ty bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Hội đồng quản trị hiện nay có 2/5 thành viên không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh.

Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý điều hành mọi hoạt động trong công ty, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của công ty và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc trong quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công.

Kế toán trưởng là người tham mưu cho Tổng Giám đốc về công tác quản lý tài chính kế toán tại Công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các vấn đề có liên quan đến công tác tài chính kế toán, quyết toán tài chính, thuế và tình hình thực hiện chế độ quản lý tài chính của công ty và các đơn vị trực thuộc.

### 1.3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý



### 1.4. Định hướng phát triển

Tăng cường quản lý, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quá trình thu mua dự trữ, sản xuất chế biến, cũng như quá trình tiêu thụ sản phẩm nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Sử dụng vốn đảm bảo an toàn và đúng mục đích theo đúng quy chế và quy định của pháp luật, tăng cường công tác kiểm tra việc chi tiêu theo quy chế tài chính của Công ty.

Tăng cường tiếp thị khai thác khách hàng để tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của Công ty, củng cố thị trường gạo nội địa, đẩy mạnh xuất khẩu gạo trực tiếp, mở rộng thị trường gạo đặc sản, gạo cao cấp, tổ chức thu mua lúa, gạo khi vào

vụ với chất lượng và giá tốt nhất, nâng cao hiệu quả công tác thông tin dự báo thị trường.

Thực hiện tốt liên kết sản xuất cánh đồng lớn, liên kết với doanh nghiệp cung ứng, hợp tác xã, doanh nghiệp sơ chế để phục vụ công tác thu mua lúa, gạo theo phương án năm 2016 và phương án 2015-2020 đã xây dựng, nhằm đảm bảo chất lượng và ổn định nguồn nguyên liệu, tạo uy tín cho chất lượng hạt gạo Việt Nam cũng như thương hiệu của Công ty.

Tiếp tục cải tiến mẫu mã và năng suất thiết bị các sản phẩm cơ khí, đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng. Tích cực khai thác khách hàng tiêu thụ Bê tông tươi và vật liệu xây dựng để tăng sản lượng và thị phần tiêu thụ tương ứng với năng lực thiết bị hiện có của Công ty. Chú trọng lao động kỹ thuật có trình độ tay nghề và sắp xếp hợp lý lao động phổ thông trong các tổ đội sản xuất.

Tập trung quản lý chất lượng sản phẩm bao bì, hạn chế tối đa sản phẩm hỏng và phế phẩm, tăng thu hồi; tích cực tiếp thị để tiêu thụ sản phẩm trong thị trường nội địa lẫn xuất khẩu. Chú trọng đào tạo tay nghề, thu tuyển công nhân mỹ nghệ để đảm bảo đủ năng lực sản xuất giao hàng kịp thời, quan tâm quản lý chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất và bảo quản.

Quan tâm công tác phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt, chú trọng công tác an toàn lao động, vệ sinh thực phẩm và vệ sinh công nghiệp.

Phối kết hợp giữa các tổ chức đoàn thể chính trị trong công ty thực hiện thường xuyên các đợt thi đua trong sản xuất và phong trào thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tập trung sức mạnh và trí tuệ tập thể để phấn đấu thực hiện hoàn thành kế hoạch đề ra.

### **1.5. Các rủi ro**

- Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo sự thay đổi của giá thị trường.

- Rủi ro thị trường đối với hoạt động của công ty bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

- Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

- Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

- Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty có rủi ro về giá nguyên vật liệu như gạo, hạt nhựa, cát, đá, xi măng sắt thép các loại. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý tốt về giá.

- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh chủ yếu các khoản phải thu khách hàng và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng: Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ứng trước đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

- Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc ngân hàng nhà nước thắt chặt tiền tệ, cụ thể như tăng lãi suất cho vay, hạn chế tín dụng, làm cho khách hàng của công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ thanh toán cho Công ty. Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

## II Tình hình hoạt động trong năm

### 2.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016

Mặc dù kinh tế thế giới và trong nước có nhiều khó khăn, thách thức nhưng với sự quyết tâm và đoàn kết gắn bó, khắc phục khó khăn Công ty CP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm đã nỗ lực phấn đấu thực hiện nhiệm vụ với kết quả đạt được cụ thể như sau:

#### 2.1.1. Kết quả thực hiện các ngành hàng:

STT	Diễn giải	ĐVT	Năm 2016			So cùng kỳ 2015 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	So KH năm (%)	
<b>I</b>	<b>Mua vào</b>					
1	- Lương thực (quy gạo)	Tấn	40.000	30.157	75,39%	101,04%
<b>II</b>	<b>Bán ra</b>					
1	- Lương thực bán ra	Tấn	40.000	39.690	99,22%	105,07%
2	- Bao bì	1000 cái	12.000	7.816	65,13%	73,88%
3	- Cơ khí	Ti đồng	62	38,52	62,13%	69,82%
4	- Bê tông - VLXD	m3	45.000	70.926	157,61%	148,67%
5	- Mỹ nghệ	Cont	34	32,5	95,59%	97,01%

### 2.1.2. Mặt hàng lương thực:

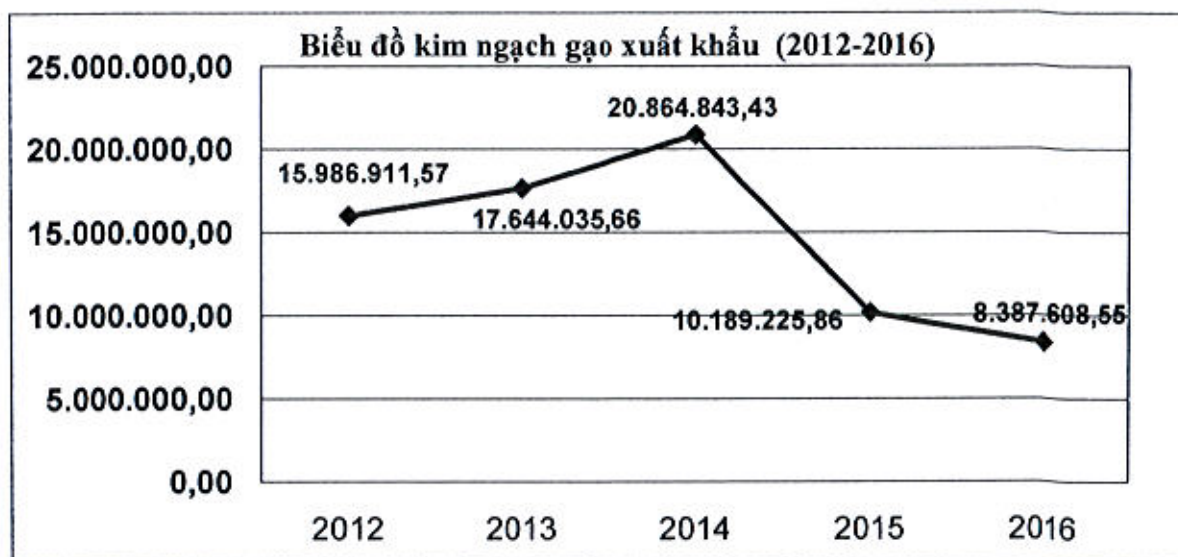
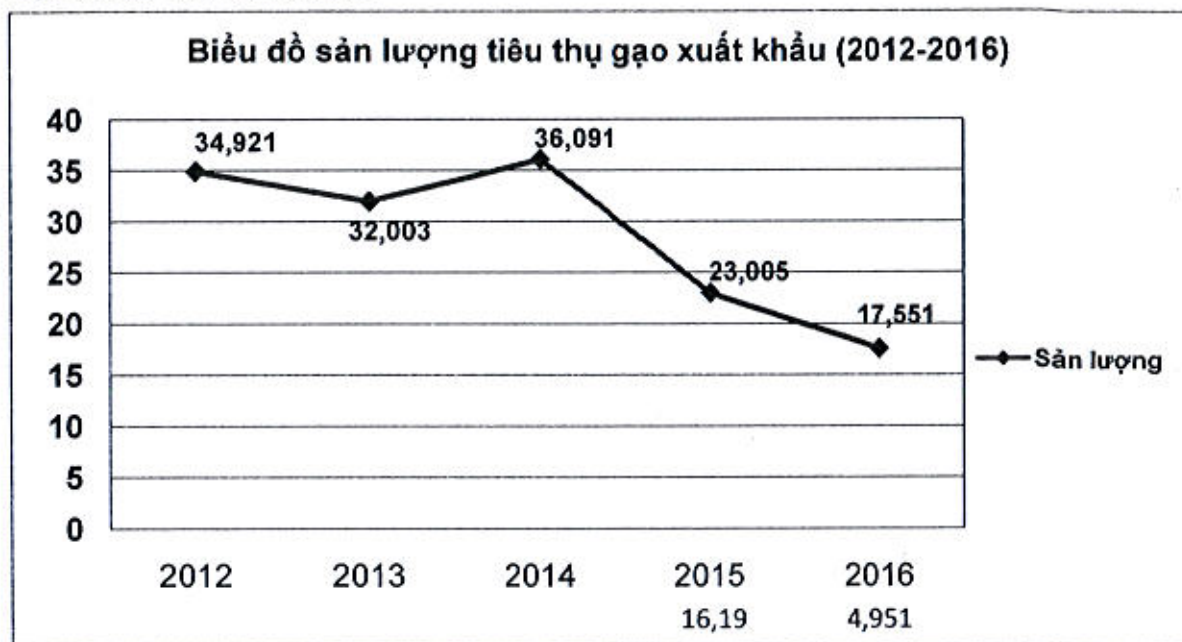
- Bán ra được: 39,690 tấn, đạt 99,22% KH năm và đạt 105,07% so năm 2015.

Trong đó:

+ XK ủy thác và trực tiếp: 17,551 tấn so với KH 25,000 tấn đạt 70,20% và so với thực hiện năm 2015 là 23,005 tấn đạt 76,29%

+ Gạo Nội địa: 22,138 tấn (Trong đó cung ứng xuất khẩu được 4,979 tấn), (22,138/15,000 ) đạt 147,59% KH năm và (22,138/ 14,770) đạt 149,88% so với 2015

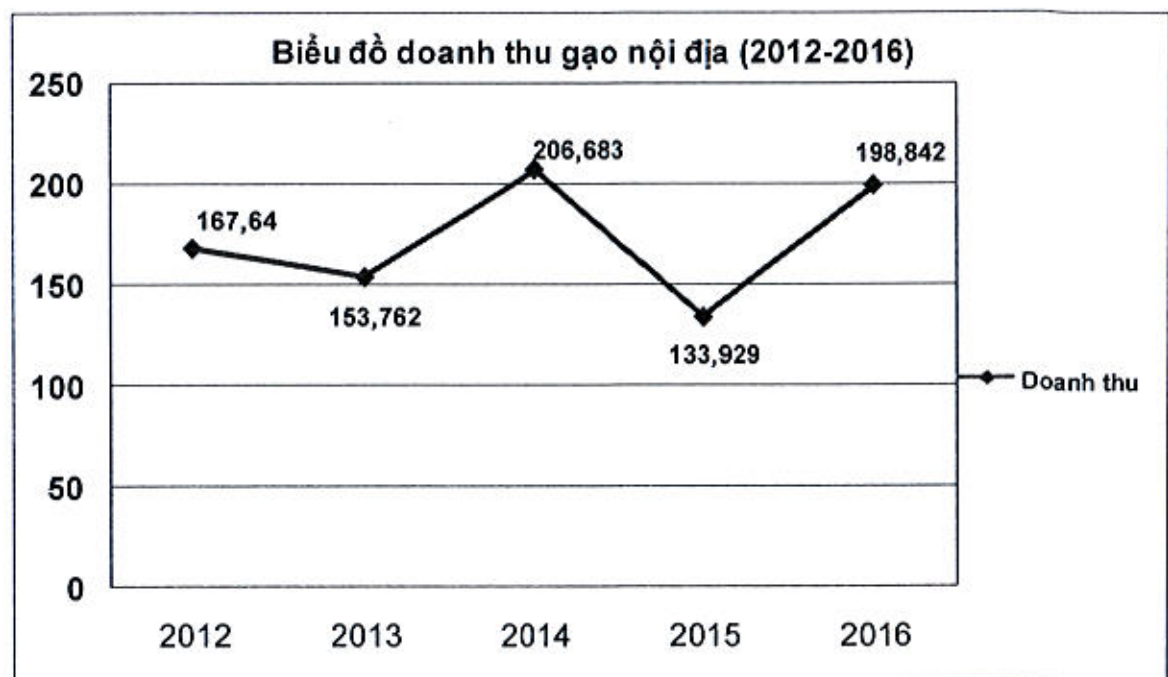
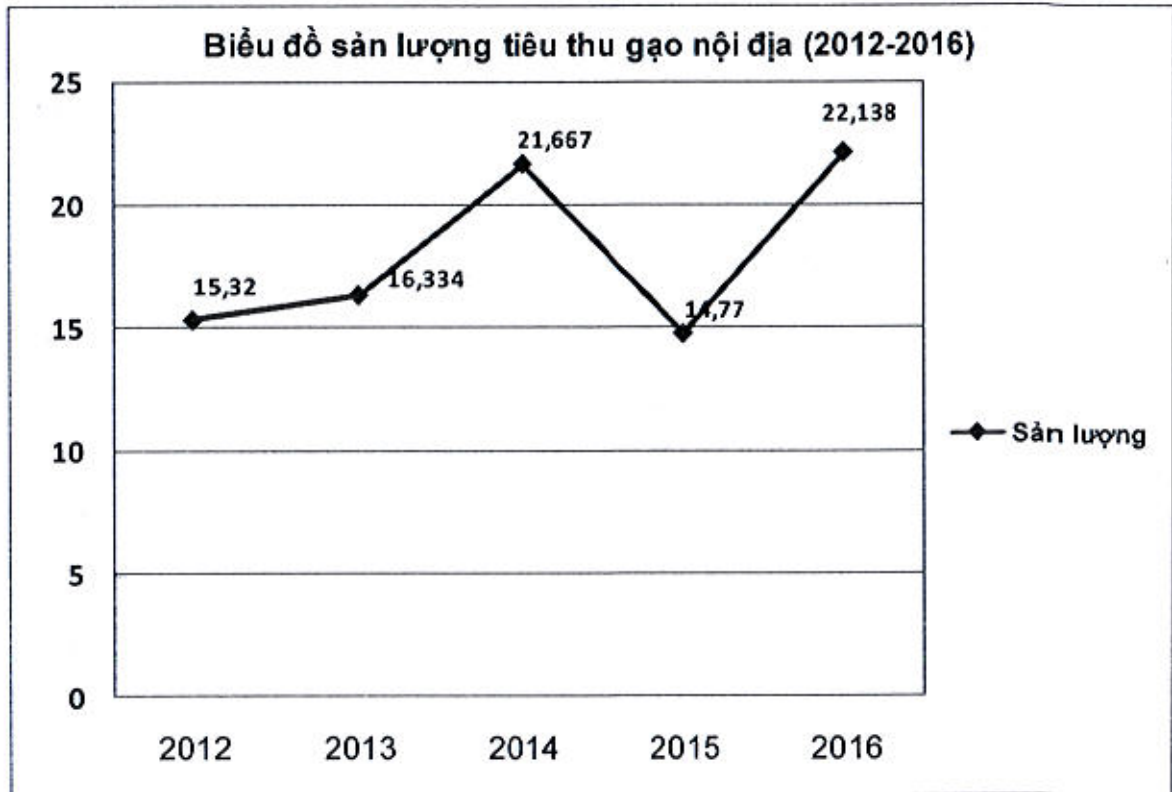
**Đối với xuất khẩu:** Do nguồn cung dồi dào nhưng nhu cầu giảm mạnh, sự cạnh tranh giữa các nước xuất khẩu gạo và các doanh nghiệp xuất khẩu ngày càng gay gắt, do đó sản lượng xuất khẩu của Công ty năm 2016 bị giảm nhiều, (17,551tấn/25.000tấn) đạt 70,20% so với kế hoạch và (17,551 tấn/23,005tấn) đạt 76,29% so với năm 2015





**Đối với tiêu thụ nội địa:** Thị trường tiêu thụ trong nước khá ổn định, do xuất khẩu gặp nhiều khó khăn, các doanh nghiệp kinh doanh lương thực đã chuyển sang khai thác thị trường nội địa làm cho thị phần bị chia nhỏ, nhưng nhờ Công ty có hệ thống khách hàng ổn định trong nhiều năm qua nên không bị ảnh hưởng nhiều và nhờ Hợp đồng cung ứng nên gạo nội địa đạt 147,59% so với kế hoạch và đạt 149,88% so với cùng kỳ năm 2015

Tuy sản lượng tiêu thụ mặt hàng lương thực không đạt kế hoạch đã đề ra và thấp hơn năm 2015 nhưng trong năm 2016 mặt hàng lương thực của Công ty vẫn có hiệu quả.

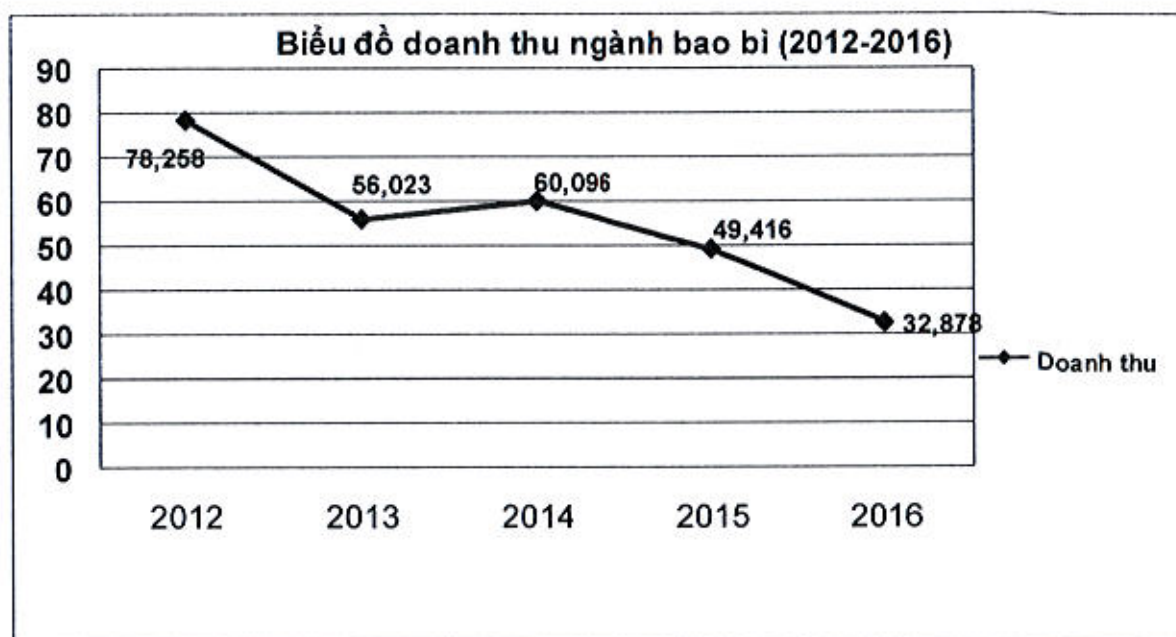
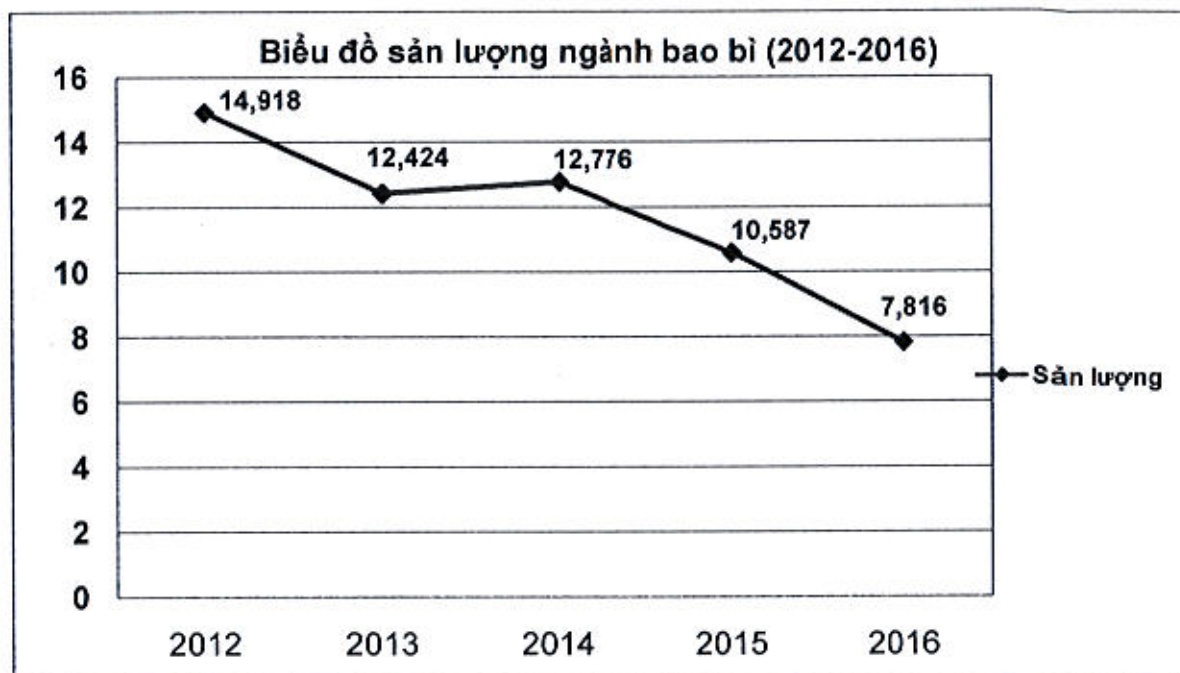


### 2.1.3. Mặt hàng bao bì – mỹ nghệ:

#### a)- Mặt hàng Bao bì:

Bán ra được: 7,816 triệu chiếc, đạt 65,13% so KH và đạt 73,88% so với 2015.

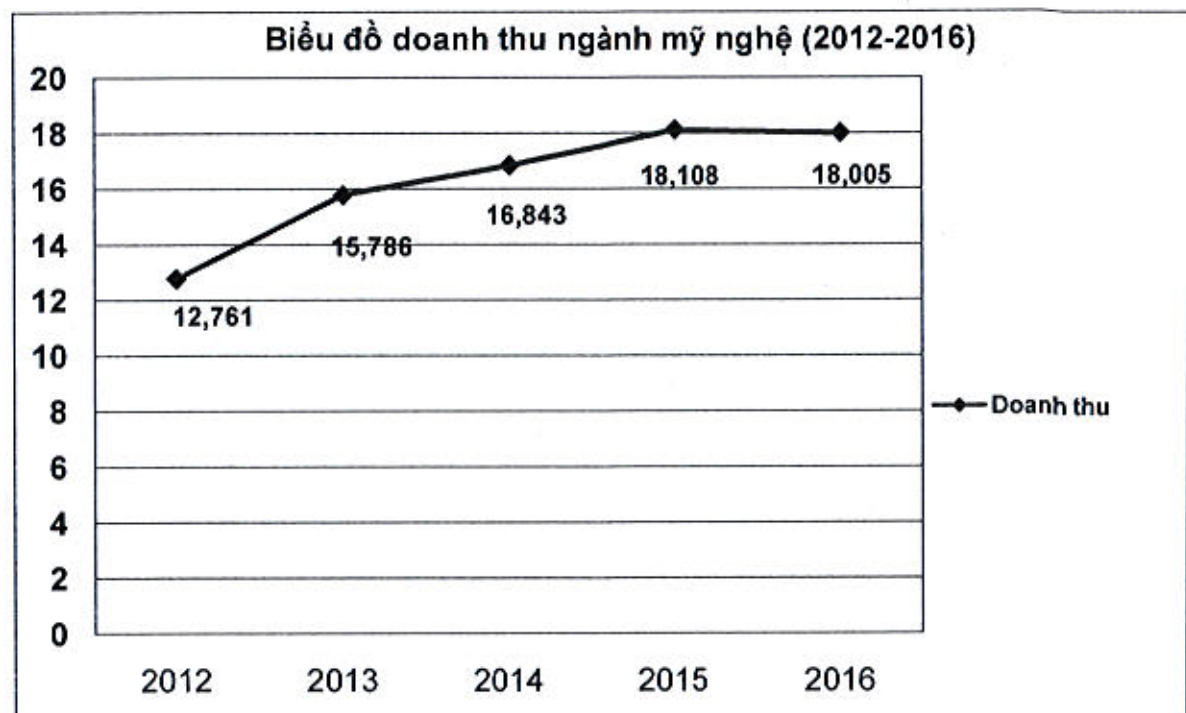
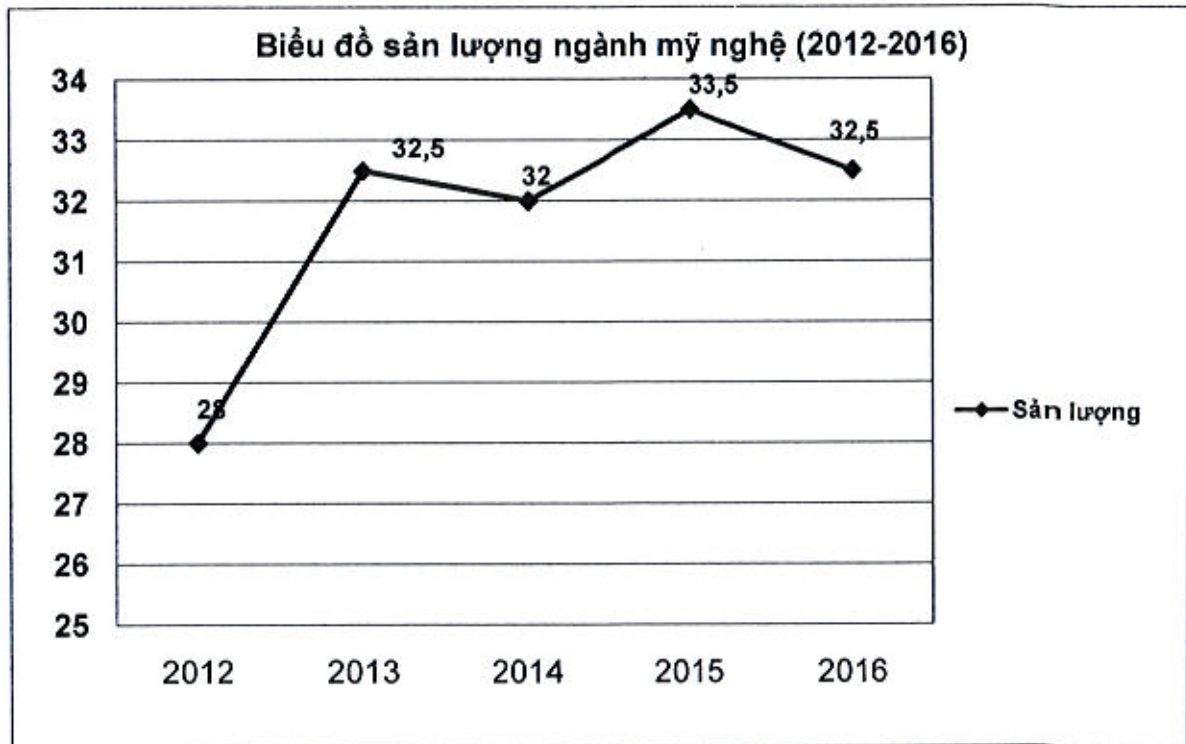
Tiêu thụ bao bì trong năm 2016 gặp nhiều khó khăn do các doanh nghiệp tham gia cung ứng bao bì phục vụ đóng gạo xuất khẩu cạnh tranh ngày càng quyết liệt, gay gắt. Đây là những nguyên nhân chính làm cho sản lượng tiêu thụ bao bì của Công ty không đạt kế hoạch 2016 và hiệu quả mặt hàng này chưa như mong muốn.

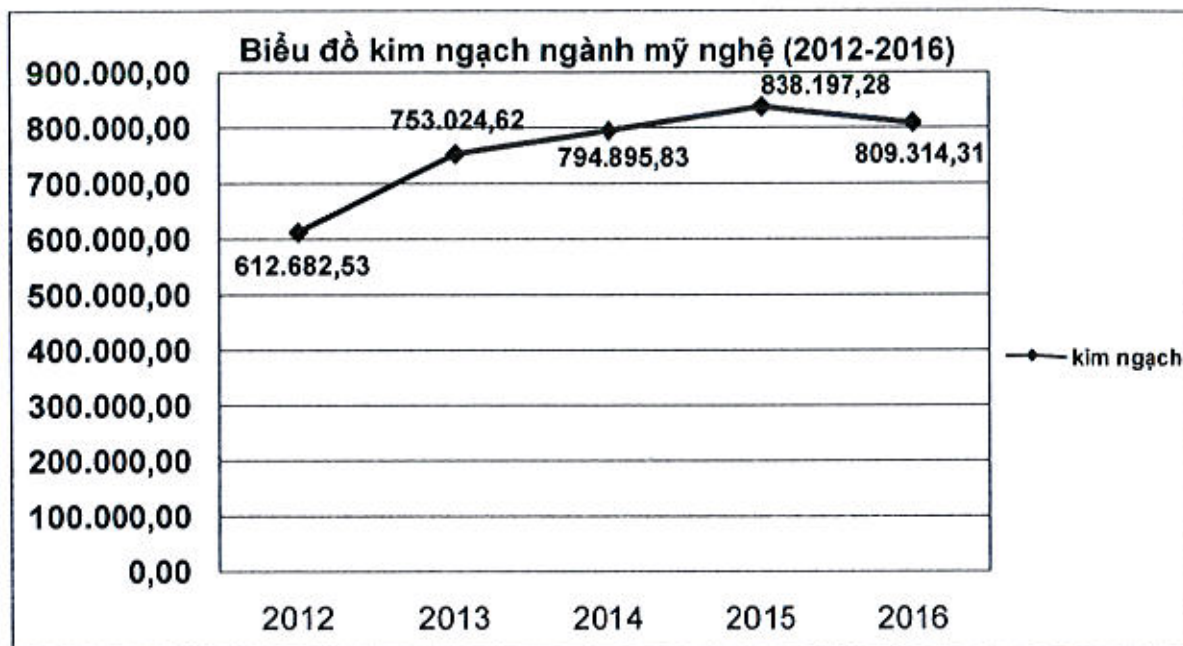


#### b)- Mặt hàng Mỹ nghệ:

- Xuất khẩu được: 32,5 Con't, đạt 95,59% so KH năm và đạt 97,01% so 2015.

Mặt hàng Mỹ nghệ kinh doanh ổn định và có hiệu quả cao so với vốn đầu tư, sản lượng năm nay (32,5/33,5 Con't) đạt 97,01% so với năm 2015. Vì mặt hàng này khó tăng sản lượng tiêu thụ do đặc thù riêng là sản xuất chủ yếu bằng thủ công, theo thời vụ nên Công ty đã gặp rất nhiều khó khăn trong thu tuyển và đào tạo tay nghề cho người lao động. Tuy nhiên ngay từ đầu năm Ban Điều hành Công ty đã nhận định và chủ động đề ra các giải pháp trong tổ chức sản xuất, làm tốt công tác thu mua nguyên liệu và bảo quản tốt chất lượng thành phẩm, tiết kiệm trong sản xuất nên lợi nhuận mặt hàng mỹ nghệ thực hiện được gần 2,56 tỷ/ 3 tỷ đạt 85,33% so với kế hoạch



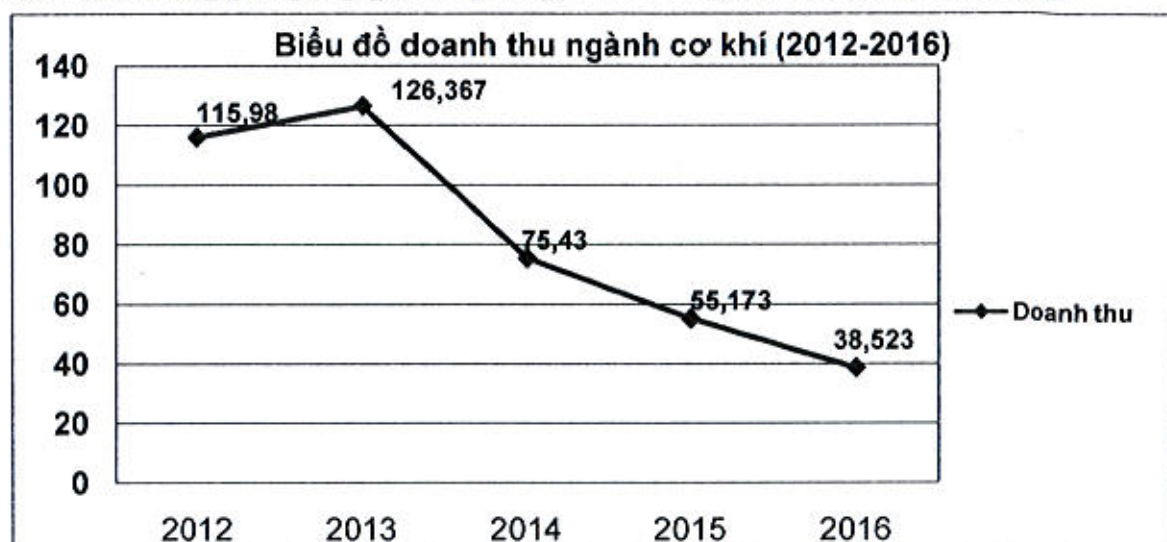


#### 2.1.4- Mặt hàng Cơ khí – Bê tông-VLXD:

##### a)- Mặt hàng Cơ khí :

- Doanh thu: 38,523 tỷ đồng, đạt 62,13 % so KH năm và đạt 69,82% so 2015

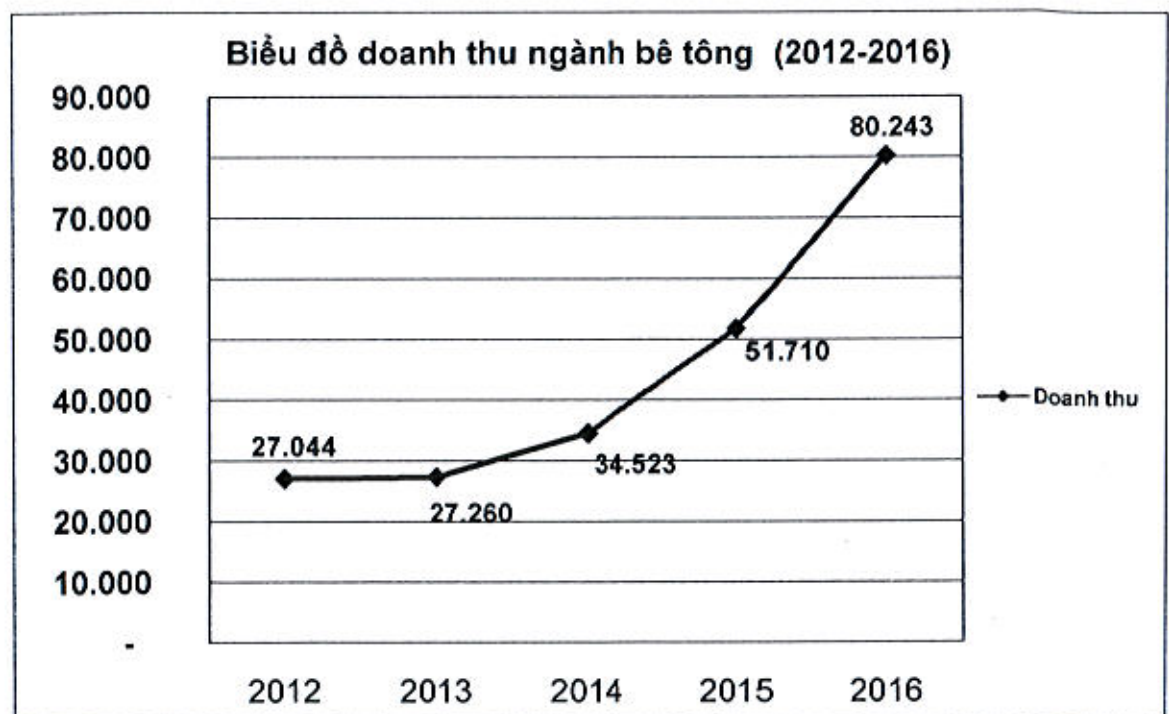
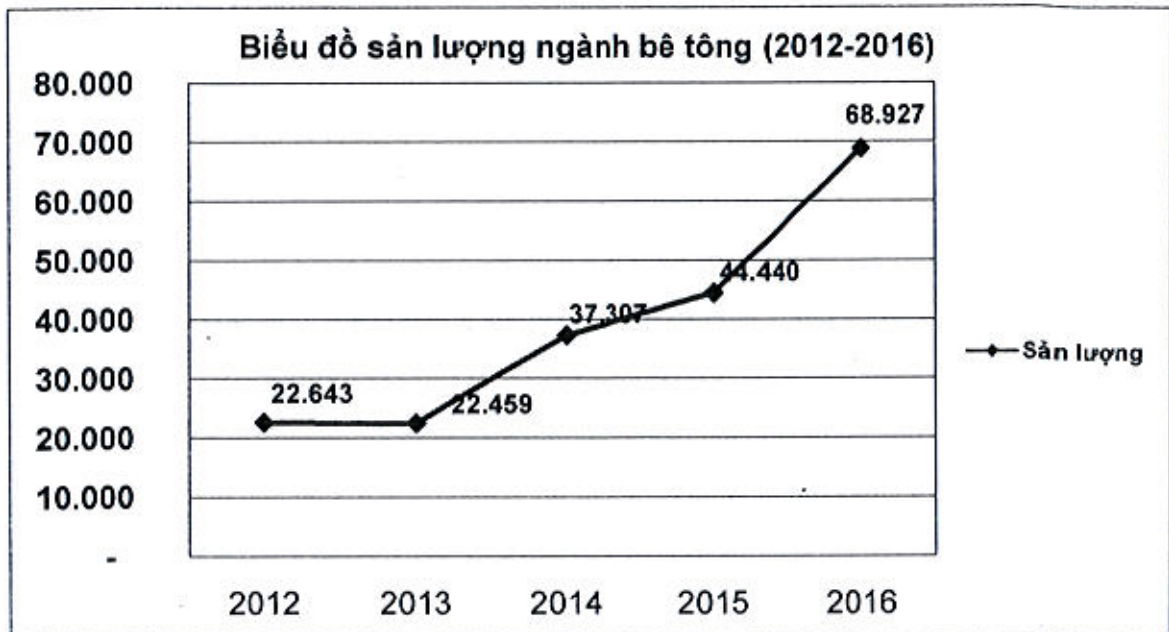
Mặt hàng Cơ khí chưa có hiệu quả, doanh thu đã giảm so với năm 2015. Nguyên nhân chính đó là do các doanh nghiệp SXKD lương thực đến cuối năm 2015 đã cơ bản đầu tư máy móc, thiết bị chế biến tương đối hoàn thiện. Bên cạnh đó, tình hình kinh doanh lương thực trong những năm gần đây gặp nhiều khó khăn về đầu ra mà hiệu quả lại thấp, nên các doanh nghiệp cũng hạn chế đầu tư mở rộng. Trong năm, Công ty đã triển khai một số hợp đồng lớn nhưng phải dừng thi công vì chủ đầu tư thiếu vốn,.. Công ty nhận định tình hình sụt giảm doanh thu mặt hàng Cơ khí có thể còn kéo dài đến năm 2017. Do đó để phát triển mặt hàng này, Công ty đã và đang tập trung sản xuất hoàn thiện, chuẩn hóa mẫu mã các sản phẩm chủ lực, là thế mạnh của Công ty. Song song đó, Công ty đã tích cực nghiên cứu sản xuất các sản phẩm mới hiện đại hơn, năng suất cao hơn nhằm đáp ứng xu thế, thị hiếu của thị trường máy móc chế biến lương thực và từng bước có những giải pháp phù hợp để phát triển ngành hàng này bền vững.



**b)- Mặt hàng Bê tông - VLXD:**

Tiêu thụ được: 70,926 m<sup>3</sup>, đạt 157,61 % so KH năm và đạt 148,67% so 2015.

Mặt hàng bê tông tươi năm 2016 có tốc độ tăng trưởng khá tốt, góp phần khá lớn vào lợi nhuận chung của Công ty. Đó là do sự tác động tích cực của chính sách giảm lãi suất vốn tín dụng, kích cầu tiêu dùng, tăng chi tiêu, đầu tư và đặc biệt thị trường bất động sản có dấu hiệu khởi sắc, do đó các công trình xây dựng lớn đã được khởi động lại. Bên cạnh đó, Công ty đã đẩy mạnh tiếp thị, làm tốt công tác khai thác thị trường, đầu tư mở rộng, nâng cấp máy móc, thiết bị để tăng năng lực sản xuất và vận chuyển bê tông, nên sản lượng tiêu thụ bê tông đã tăng cao hơn năm 2015, đáp ứng kịp thời nhu cầu khách hàng, nâng cao uy tín, thương hiệu bê tông Mecofood.



## 2.2. Tổ chức và nhân sự

### 2.2.1. Cơ cấu tổ chức Công ty

+ Công ty gồm 4 phòng chức năng (phòng Kế hoạch Kinh doanh, phòng Kỹ thuật Công nghệ, phòng Tài chính Kế toán và phòng Tổ chức Hành chính) và 3 xí nghiệp trực thuộc (xí nghiệp Lương thực Thực phẩm, xí nghiệp Xây lắp Cơ khí, xí nghiệp Bao bì & Thủ công Mỹ nghệ).

### 2.2.2. Tóm tắt lý lịch của các thành viên Hội đồng quản trị và ban điều hành:

**\* Ông : Phạm Văn Tô**

- Ngày tháng năm sinh: 15/03/1957

- Địa chỉ thường trú: Số 161 Đường Lò Siêu, P8, Q10, TPHCM

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

**\* Ông : Lê Hoàng Nhữ**

- Ngày tháng năm sinh: 03/04/1961

- Địa chỉ thường trú: Số 303 QL62, Phường 6, TP Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

**\* Ông Lê Văn Lộc**

- Ngày tháng năm sinh: 1957

- Địa chỉ thường trú: 409 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 3, TP. Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

**\* Ông: Nguyễn Văn Kiệt**

- Ngày tháng năm sinh: 20/04/1964

- Địa chỉ thường trú: 41 Nguyễn Thông, Phường 3, TP Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm.

**\* Ông: Nguyễn Bình Hiên**

- Ngày tháng năm sinh: 23/07/1964

- Địa chỉ thường trú: 8/80 QL1A, Nhơn Phú, P.5, TP.Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm.

**\* Ông Nguyễn Văn Cho**

- Ngày tháng năm sinh: 29/12/1967

- Địa chỉ thường trú : 195D, Châu Thị Kim, P.7, TP.Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

**\* Ông Lê Trường Sơn**

- Ngày tháng năm sinh: 1963
- Địa chỉ thường trú : 168 QL1, P5, TP Tân An, Long An
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

### 2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Đầu tư chiều sâu nâng cao năng lực sản xuất các mặt hàng chủ lực với những công trình đầu tư lớn như sau:

**\* Văn phòng Công ty:**

- Đầu tư máy photocopy Toshiba giá trị 38.182.000 đồng

**\* Mặt hàng lương thực:**

- Đầu máy tách đá sạn 15 tấn/giờ giá trị 228.297.466 đồng
- Nâng cấp dây chuyền máy xay lúa 10 tấn/giờ giá trị 661.871.053 đồng
- Đầu tư máy dò kim loại Loma giá trị 410.000.000 đồng

**\* Mặt hàng bao bì mỹ nghệ:**

- Đầu tư băng tải nghiêng cao su di động 9 m trị giá 43.632.345 đồng

**\* Mặt hàng cơ khí :**

- Đầu tư máy loe 2 đầu ống trị giá 70.000.000 đồng
- Đầu tư máy khoan cần K525 trị giá 55.000.000 đồng
- Đầu tư máy khoan cần K525A trị giá 38.000.000 đồng
- Đầu tư máy cắt BEP 100 trị giá 43.636.364 đồng
- Đầu tư Palang xích treo cố định 1 tấn hiệu I.T.S trị giá 38.000.000 đồng
- Đầu tư cầu trục dầm đơn tải trọng 2 tấn trị giá 220.190.000 đồng

**\* Mặt hàng Bê Tông -VLXD :**

- Đầu tư cân ô tô điện tử 80T trị giá 429.971.085 đồng
- Nâng cấp trạm trộn bê tông 20m<sup>3</sup>/h lên 60m<sup>3</sup>/h trị giá 784.476.636 đồng
- Đầu tư xe bơm cần ISUZU hệ thống bơm Zoomlion trị giá 3.158.909.091 đồng
- Đầu tư xe kéo hiệu KIA trị giá 440.000.000 đồng
- Đầu tư 4 xe trộn bê tông trị giá 6.178.454.546 đồng

### 2.4. Tình hình tài chính:

#### 2.4.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	DVT: tỷ đồng
			% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	155,105	168,609	8,71%
Doanh thu thuần	459,701	422,769	-8,03%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10,613	13,364	25,92%
Lợi nhuận khác	4,736	2,643	-44,19%
Lợi nhuận trước thuế	15,349	16,007	4,29%
Lợi nhuận sau thuế	11,954	12,821	7,25%
Tỉ lệ chia cổ tức	10,60%/VDL	11,44%/VDL	7,92%

## 2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính:

STT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	- Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	Lần	2,05	2,86	2,34
2	- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,11	1,12	0,76
3	- Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	39,20	25,29	30,03
4	- Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	%	95,97	49,04	63,29
5	- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	7,07	5,79	5
6	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ DT thuần	%	2,37	2,60	3,03
7	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn CSH	%	24,03	14,95	16,02
8	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ tổng TS	%	9,82	7,71	7,60
9	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	19,62	27,77	29,85
10	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	80,38	72,23	70,15
11	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	%	40,85	51,58	47,45
12	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,05	2,86	2,34
13	- Tỷ suất LN trước thuế/DT thuần	%	3,03	3,34	3,79

## 2.5. Cơ cấu cổ đông

### 2.5.1. Cổ phần

- Tên Cổ phiếu: MCF
- Tổng số cổ phiếu thường : 8.000.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại : 8.000.000 CP
- Cổ tức / lợi nhuận được chia cho các thành viên góp vốn : Cổ tức năm 2016 dự kiến 11,44% trên vốn điều lệ 80 tỷ đồng.

### 2.5.2. Cơ cấu cổ đông

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước.  
Cổ đông đại diện vốn Nhà nước nắm giữ 60% vốn điều lệ (4.800.000 CP), cổ đông là thể nhân, khác nắm giữ 40% vốn điều lệ (3.200.000 CP). Mệnh giá 10.000 đồng/CP.
- Thông tin về từng cổ đông góp vốn:  
+ Cổ đông lớn là tổ chức: Công ty TNHH MTV-Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (Địa chỉ: 333 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TPHCM) là cổ đông nắm giữ 4.800.000 CP, chiếm 60% vốn điều lệ.  
+ Cổ đông lớn là thể nhân: không có.

## 2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty (báo cáo phát triển bền vững)

### 2.6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a. Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm của Công ty:



- Nguyên, nhiên vật liệu được sử dụng cho ngành hàng bao bì và thủ công mỹ nghệ như sau:

STT	Nhu cầu sử dụng	Số lượng/năm	Đơn vị tính
1	Hạt nhựa nguyên sinh	846	Tấn
2	Lúa tươi	1.686	Tấn
3	Taical, hạt màu	239	Tấn
4	Rơm khô	203	Tấn
5	Dầu nhớt	11.800	Lít

- Nguyên vật liệu được sử dụng cho ngành hàng cơ khí, bê tông tươi và VLXD như sau:

STT	Nhu cầu sử dụng	Số lượng/năm	Đơn vị tính
1	Sắt	570	Tấn
2	Đá	56.739	m <sup>3</sup>
3	Cát	45.789	m <sup>3</sup>
4	Xi măng	22.397	Tấn
5	Dầu nhớt	4.857	lít

- Nguyên vật liệu chính dùng cho quá trình sản xuất gạo là gạo nguyên liệu khoảng 40.000 tấn/ năm

Nhiên liệu sử dụng chính trong sản xuất gạo là dầu nhớt dùng để bôi trơn máy móc thiết bị. Lượng dầu nhớt sử dụng khoảng 80 lít/ năm.

**b. Nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm**

+ Ngành hàng bao bì: Sản phẩm bao bì dẹt lỗi, rìa bao bì được gom lại bán cho các cơ sở thu mua.

+ Ngành hàng mỹ nghệ: Nguyên liệu chủ yếu là rơm khô và lúa tươi, nguyên liệu dư thừa sản phẩm hỏng được gom lại bán cho các hộ dân chăn nuôi gia súc.

+ Ngành hàng cơ khí bê tông và VLXD: Nguyên liệu dư thừa từ quá trình cắt gọt kim loại được gom lại và bán cho các cơ sở thu mua.

+ Ngành hàng lương thực: Do đặc thù của ngành nghề sản xuất kinh doanh nên ngành lương thực không có nguyên vật liệu được tái chế sử dụng.

**2.6.2. Tiêu thụ năng lượng**

Nguồn năng lượng chủ yếu Công ty sử dụng là điện. Nguồn điện Công ty sử dụng từ lưới điện quốc gia trong năm 2016 công ty sử dụng cho sản xuất và hoạt động văn phòng khoảng 3.300.000 kw/năm

Ngoài ra công ty còn sử dụng than đá để sấy gạo với số lượng sử dụng trong năm 2016 khoảng 1.500kg/năm

### **2.6.3. Tiêu thụ nước (Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm 2016)**

#### **a. Xí nghiệp Bao bì và Thủ công Mỹ nghệ**

Hiện tại, nguồn nước xí nghiệp sử dụng lấy từ giếng khoan trong khuôn viên và nguồn nước do Công ty CP Cấp thoát nước Long An cung cấp với lưu lượng sử dụng trong năm 2016 là khoảng 2.900 m<sup>3</sup>/năm.

#### **b. Xí nghiệp Xây lắp Cơ khí**

Nguồn cung cấp nước của Xí nghiệp được lấy từ giếng khoan tại Xí nghiệp. Nhu cầu sử dụng khoảng 12.200 m<sup>3</sup>/năm. chủ yếu là dùng để trộn bê tông tươi và một phần cho sinh hoạt hàng ngày của CBCNV Xí nghiệp.

#### **c. Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm**

Nguồn cung cấp nước của Xí nghiệp được lấy từ giếng khoan tại Xí nghiệp và nguồn nước do Công ty CP Cấp thoát nước Long An cung cấp. Nhu cầu sử dụng khoảng 1.350 m<sup>3</sup>/năm. Chủ yếu dùng sử dụng cho sinh hoạt vệ sinh hàng ngày của CBCNV của Xí nghiệp.

### **2.6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Công ty CP Xây Lắp – Cơ Khí và Lương Thực Thực Phẩm luôn chấp hành tốt Luật bảo vệ môi trường và các quy định Pháp Luật hiện hành. Hàng năm Công ty đã phối hợp với đơn vị tư vấn môi trường tiến hành đo đạc, phân tích chất lượng môi trường tại các Xí nghiệp trực thuộc Công ty để kiểm soát ô nhiễm, khắc phục những thiếu sót và tồn tại trong công tác bảo vệ môi trường, tìm ra các giải pháp nhằm làm giảm thiểu ô nhiễm.

#### **a. Bụi, khí thải**

Lượng bụi và khí thải phát tán trong các Xí nghiệp ảnh hưởng nhiều đến công suất và sức khỏe của công nhân. Do đó, Công ty đã hạn chế tới mức thấp nhất các tác động của bụi đối với công nhân sản xuất và bảo đảm sức khỏe công nhân bằng các biện pháp sau:

- Xây dựng nhà xưởng theo đúng quy định nhà công nghiệp, đảm bảo độ thông thoáng cần thiết.
- Lắp đặt các hệ thống thông gió phù hợp cho nhà xưởng.
- Công nhân được trang bị bảo hộ lao động như: Bao tay, khẩu trang, nút chống ồn, dép nhựa, yếm che, nón bảo hộ...
- Định kỳ khám sức khỏe cho công nhân viên để hạn chế phát sinh bệnh nghề nghiệp.
- Thường xuyên kiểm tra việc quét dọn vệ sinh nhà xưởng.
- Khu vực đường nội bộ sẽ thường xuyên được làm vệ sinh và phun nước tưới ẩm vừa làm giảm bụi, vừa làm giảm bức xạ nhiệt từ mặt đường.
- Các phương tiện giao thông khi lưu thông trong Xí nghiệp phải giảm tốc độ theo quy định và phải được che phủ cẩn thận.

#### **b. Tiếng ồn, độ rung**

Mặc dù các nguồn phát sinh tiếng ồn trong hoạt động sản xuất của Công ty không nhiều, nhưng Công ty vẫn thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa mức gây ồn để tránh ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân lao động:

- Tách riêng khu vực sản xuất với văn phòng.
- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy trong quá trình hoạt động, kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ cho dầu bôi trơn, đặc biệt đối với những bộ phận truyền động.
- Trong trường hợp máy móc có bộ phận rơ mòn, sẽ được nhân viên kỹ thuật thay thế và sửa chữa kịp thời.
- Thường xuyên đo đạc giám sát độ ồn của máy móc thiết bị để có biện pháp thay thế khắc phục kịp thời.
- Đúc móng máy đủ khối lượng bê tông mác cao, tăng chiều sâu móng, đào rãnh đổ cát khô để tránh rung theo mặt nền.
- Kiểm tra độ mài mòn chi tiết, thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.
- Công nhân được trang bị đầy đủ nút chống ồn.
- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân.

#### **c. Các biện pháp khống chế nhiệt thừa**

Để hạn chế ảnh hưởng của nhiệt thừa và đảm bảo điều kiện vi khí hậu tốt cho công nhân đứng máy, các Xí nghiệp đã áp dụng các biện pháp sau:

- Xây dựng nhà xưởng cao ráo, thoáng mát đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, phù hợp với loại hình công nghệ sản xuất.
- Bố trí cửa thông thoáng gió xung quanh tường các xưởng sản xuất hoặc dùng quạt gió trực đứng để gia tăng vận tốc gió cục bộ trong phân xưởng.
- Trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên công ty (đảm bảo diện tích cây xanh chiếm tối thiểu 15% tổng diện tích mặt bằng).
- Trang bị đầy đủ các trang phục cần thiết về an toàn lao động để hạn chế thấp nhất các tác hại đối với công nhân. Các trang phục này bao gồm quần áo và phương tiện bảo hộ lao động ( quần áo bảo hộ, giày bảo hộ, nón bảo hộ, yếm che, khẩu trang, găng tay, nút chống ồn).

Tóm lại, việc hạn chế ảnh hưởng của nhiệt thừa và cải tạo môi trường vi khí hậu là một công tác khá quan trọng. Tình trạng xấu của môi trường vi khí hậu không chỉ ảnh hưởng tới công nghệ sản xuất, chất lượng sản phẩm mà còn ảnh hưởng tới cường độ lao động của người công nhân sản xuất: điều kiện lao động nóng, bụi không chỉ ảnh hưởng tới sức khỏe mà còn ảnh hưởng tới năng suất lao động của họ.

#### **d. Biện pháp khống chế ô nhiễm do nước thải**

##### **Nước mưa chảy tràn**

Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước

thải.

Lượng nước mưa chảy tràn trên mặt đường giao thông nội bộ, sân, ... được lọc rác có kích thước lớn bằng các tấm lưới thép hoặc các song chắn rác tại các hố ga trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận.

Nước mưa từ mái các nhà xưởng sẽ được thu gom vào các ống đứng bằng nhựa sau đó sẽ được xả vào hệ thống thoát nước mưa.

#### **Nước thải sinh hoạt**

Phát sinh chủ yếu từ nhu cầu sử dụng nước của CBNV như: vệ sinh cá nhân, rửa tay,... Nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn đặt ngầm dưới đất. Nước thải sau xử lý sẽ được lưu thông trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng rồi mới chuyển qua ngăn lọc và dẫn vào hệ thống chung của khu vực.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh các âu tiêu, nước tắm, rửa được thu gom và dẫn vào bể tự hoại 3 ngăn để xử lý. Bể tự hoại 3 ngăn là loại bể chứa gồm 1, 2, 3 ngăn. Bể này có thể xử lý toàn bộ các loại nước phân, tiểu. Khi nước thải chảy vào bể nó được làm sạch nhờ 2 quá trình chính là lắng cặn và lên men cặn, sau đó chảy qua ngăn thứ 3 trước khi đến bể lắng, hố ga sau đó thoát ra cống thoát chung.

#### **Nước thải sản xuất**

Do đặc trưng của ngành nghề sản xuất nên hoạt động sản xuất của Công ty không phát sinh nước thải sản xuất chỉ phát sinh lượng nước vệ sinh phân xưởng, tuy nhiên lượng nước thải này rất ít và phát sinh không thường xuyên, ngoài trừ ngành hàng sản xuất bê tông tươi của Công ty có phát sinh nước thải sản xuất nhưng được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

#### **e. Biện pháp không chế ô nhiễm do chất thải rắn**

##### **Đối với chất thải rắn thông thường**

Để giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn thông thường, Công ty đã áp dụng các biện pháp quản lý sau:

- Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, chia làm 2 nhóm chính:
  - + Nhóm các chất có thể thu hồi để tái sử dụng: các loại phế phẩm như bao bì, giấy carton, chai lọ, vỏ chai bia..)
  - + Nhóm các chất thải cần xử lý: Các chất thải hữu cơ dễ phân hủy như rau, thực phẩm dư thừa...được phân loại riêng để thu gom xử lý theo quy định. Các chất thải rắn khác không thể tái sử dụng được thu gom, quét dọn hằng ngày và lưu trữ đúng quy định;
- Công ty đã thường xuyên giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh chung cho tất cả các nhân viên, ban hành các nội quy về bảo vệ môi trường để thực hiện;
- Công ty đã đặt các thùng rác tại các khuôn viên xung quanh Công ty, tránh được tình trạng vứt rác bừa bãi;

Các loại chất thải rắn thải sinh hoạt phát sinh tại các Xí nghiệp và văn

phòng Công ty đã được chúng tôi hợp đồng với Công ty Công trình Đô Thị thu gom, vận chuyển và xử lý.

**- Đối với chất thải rắn sản xuất**

Trong thời gian hoạt động xí nghiệp đã thực hiện các biện pháp để quản lý đối với chất thải rắn sản xuất như sau:

+ Rìa bao, dây nilon, chỉ may, kim loại vụn được thu gom và bán lại cho các cơ sở thu mua.

+ Rơm khô bỏ ra từ quá trình lựa lúa, cắt tía sản phẩm được thu gom bán các hộ dân chăn nuôi gia súc.

+ Lượng còn lại không bán được thì thu gom lại cùng với rác thải sinh hoạt

**- Đối với chất thải rắn nguy hại:**

Hình thức lưu trữ: Lưu trữ trong các thùng chứa kín có nắp đậy, gắn dấu hiệu cảnh báo và không để lẫn với chất thải khác.

Do khối lượng phát sinh chất thải nguy hại tại Công ty với khối lượng rất ít. Riêng đối với lượng bóng đèn huỳnh quang và giẻ lau dính dầu thải, Công ty sẽ tiến hành thu gom riêng, lưu trữ nơi riêng biệt có dán nhãn và định kỳ 6 tháng Công ty đã tiến hành thuê đơn vị có chức năng vận chuyển thu gom, xử lý theo đúng quy định.

**f. Biện pháp phòng chống các sự cố môi trường**

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ phòng cháy chữa cháy, hệ thống báo cháy điện tử tự động, có phương án PCCC và tuân theo mọi quy định nghiêm ngặt về PCCC.

- Bố trí các dụng cụ: bình chữa cháy, các họng cứu hỏa, bể chứa nước... ở các vị trí hợp lý để ứng cứu kịp thời khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

- Phối hợp với Công an PCCC lập kế hoạch và triển khai các công việc cụ thể nhằm đảm bảo an toàn lao động tuyệt đối cho người lao động, tổ chức các đợt huấn luyện và diễn tập cho công nhân của Công ty.

- Công ty cũng thành lập một đội PCCC gồm 3 tổ chữa cháy, cứu thương và vận chuyển để ứng phó khi có tình huống cháy, nổ xảy ra.

- Bảo quản các nguyên vật liệu, sản phẩm an toàn, tránh xa nguồn có khả năng gây nổ.

- Kiểm tra biển báo, biển cấm lửa, hệ thống báo cháy tự động, nội quy PCCC.

- Lắp hệ thống chống sét tại các điểm cao nhất của nhà xưởng.

Ngoài các biện pháp phòng chống cháy nổ như trên, Công ty cũng thực hiện các biện pháp sau để đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, đảm bảo sức khỏe cho công nhân:

- Toàn thể công nhân được học tập về an toàn lao động.

- Trang bị các dụng cụ an toàn lao động cho công nhân khi vận hành đặt biệt như: sửa chữa, bảo trì các thiết bị.

- Kiểm tra và theo dõi sức khỏe định kỳ cho công nhân.

- Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt tiêu chuẩn của Bộ y tế.
- Khống chế các nguồn gây ô nhiễm đạt tiêu chuẩn quy định để tránh các bệnh nghề nghiệp.

### 2.6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

- + Tổng số CNV lao động là 446 người
- + Mức lương trung bình năm 2016 của Công ty là 7,05 triệu đồng/người/tháng
- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm thân thể cho CBCNVLĐ; thực hiện chế độ trợ cấp độc hại cho công nhân làm việc trong môi trường độc hại, bệnh nghề nghiệp; chăm lo đời sống người lao động, phân phối tiền lương, tiền thưởng và tặng quà CNVC-LĐ nhân dịp tết cổ truyền và các ngày lễ lớn trong năm.
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện cấp Bảo hộ lao động trong toàn Công ty; Tổ chức tập huấn ATVSLĐ, ATVSTP, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, đo môi trường lao động.

### 2.6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh việc tập trung cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành kế hoạch năm 2016 Công ty luôn quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động và có nhiều đóng góp cho cộng đồng địa phương như:

- Phối hợp chăm lo đời sống Người lao động, phân phối tiền lương, tiền thưởng và tặng quà CNVC-LĐ nhân dịp Lễ, Tết DL, Tết Cổ truyền, 30/4 và 2/9
- Tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ (8/3) và 20/10, tặng quà cho chị em với kinh phí trên 77 triệu đồng; Tổ chức tặng quà cho các cháu con CNCNV nhân ngày quốc tế 1/6 và Tết Trung thu với số tiền 64,88 triệu đồng, quà cho 148 cháu học giỏi với 1.622 cuốn tập với số tiền 11,35 triệu đồng;
- Tuyên truyền vận động về đóng góp “ủng hộ đồng bào thiệt hại do lũ ở Miền trung”, với tổng số tiền ủng hộ là 45,91 tr đồng; vận động đóng góp ủng hộ công nhân viên có vợ khó khăn để trị bệnh hiểm nghèo với số tiền 24,310 triệu đồng
- Đoàn viên đã đến thăm và tặng 2,0 triệu đồng cho công nhân trong Công ty bị bệnh, thăm và tặng quà cho trẻ em cơ nhỡ không nơi nương tựa tại chùa Vạn Đức xã Tạm Hiệp - Tỉnh Bến Tre số tiền hơn 3,0 triệu đồng, thăm tặng quà cho người nghèo ở xã Hòa Phú – huyện Châu Thành - Tỉnh Long An với số tiền 3,5 triệu đồng dịp lễ 30/4

### III. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Số cùng kỳ 2015(%)
-----	----------	-----	----------	--------------------

			Kế hoạch	Thực hiện	So KH năm 2016 (%)	
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	550	425,831	77,42%	90,91%
2	Lợi nhuận Tr.thuế	Tỷ đồng	16	16,007	100,04%	104,29%
3	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	Theo quy	6,379		115,50%

### 3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2016 tình hình kinh tế thế giới cũng như trong nước còn nhiều khó khăn, tỷ giá USD tăng do đồng Đô la Mỹ tăng giá nên đã làm ảnh hưởng đến công tác xuất nhập khẩu, các doanh nghiệp sử dụng nguồn vốn vay USD để kinh doanh đã gặp nhiều bất lợi.

Các công ty kinh doanh lương thực đều gặp khó khăn về xuất khẩu do giá gạo thế giới giảm, đầu ra hạn chế. Ở trong nước, giá cả đầu vào của nhiều loại vật tư, nguyên liệu và giá các loại dịch vụ, vận chuyển, giao nhận chưa giảm nhiều. Do đó giá thành sản xuất còn cao, khả năng cạnh tranh thấp.

Năm 2016, thị trường lương thực thế giới không có hợp đồng xuất khẩu gạo tập trung. Đây cũng là nguyên nhân làm cho sản lượng xuất khẩu lương thực của Việt Nam giảm so với năm 2015

Ngay từ đầu năm Công ty đã nhận định, đánh giá những thuận lợi và khó khăn của thị trường trong từng thời điểm để chủ động, xây dựng các phương án kinh doanh và có những giải pháp phù hợp đối với từng mặt hàng, phát huy những thế mạnh, hạn chế những rủi ro, nắm bắt thời cơ, hạn chế nguy cơ, chọn thời điểm thích hợp để quyết định mua vào, bán ra có hiệu quả.

#### a/ Thuận lợi:

- Được sự quan tâm của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam luôn tạo điều kiện và giúp đỡ Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Hội đồng quản trị luôn giám sát chặt chẽ, chỉ đạo kịp thời, đưa ra chủ trương, quyết sách đúng đắn, phù hợp với tình hình và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tập thể ban điều hành, cán bộ, nhân viên người lao động luôn đoàn kết, gắn bó, chủ động và quyết tâm cao trong thực hiện kế hoạch đề ra.

- Đội ngũ cán bộ chủ chốt của Công ty có nhiều năm kinh nghiệm và cán bộ trẻ kế thừa có năng lực và trình độ. Lực lượng công nhân lành nghề, gắn bó lâu dài với Công ty.

- Sản phẩm của Công ty tiếp tục được cải tiến về mẫu mã và chất lượng.

#### b/ Khó khăn thách thức:

Năm 2016 mặc dù nền kinh tế có chuyển biến tích cực, tăng trưởng kinh tế khá và tỷ lệ lạm phát thấp, nhưng đối với sản phẩm ngành nông nghiệp vẫn còn hết sức khó khăn, có tăng trưởng nhưng ở mức thấp, riêng ngành lương thực thì xuất khẩu giảm sút về lượng và giá trị.

- Tình hình xuất khẩu gạo tiếp tục khó khăn về đầu ra, giá bán thấp, ảnh hưởng đến sản lượng và doanh thu của Công ty.

- Ngành hàng cơ khí gặp khó khăn do không được tham gia dự thầu các gói đầu tư trong hệ thống của Tổng Công ty.

- Các ngành hàng khác mức độ cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

### 3.2. Kế hoạch phát triển của Công ty trong năm 2017

#### + Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	GHI CHÚ
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	420	
2	Lợi nhuận	Tỷ đồng	16,2	
3	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	4,01	
4	Thu nhập bình quân	Tr đồng	7,15	
5	Tỷ lệ chia cổ tức		11,59%/VDL	

#### + Các chỉ tiêu mua vào bán ra:

Stt	Diễn giải	ĐVT	KH 2017	GHI CHÚ
1	<b>- Lương thực mua vào quy gạo:</b>	<b>Tấn</b>	<b>40.000</b>	
	Trong đó: + Gạo các loại:	Tấn	36.550	
	+ Lúa các loại:	Tấn	6.900	
	<b>- Lương thực bán ra quy gạo</b>	<b>Tấn</b>	<b>40.000</b>	
	Trong đó: + XK ủy thác	Tấn	2.000	
	+ XK trực tiếp	Tấn	13.000	
	+ Gạo Nội địa	Tấn	25.000	
2	Bao bì (quy chuẩn 120)	Triệu cái	12.000	
3	Mỹ nghệ	Con't	34	
4	Doanh số cơ khí	Tỷ đồng	42	
5	Bê tông	M <sup>3</sup>	72.000	

#### + Các giải pháp đối với các ngành hàng:

##### **Mặt hàng lương thực:**

Để đạt được kế hoạch, Công ty phải tăng cường công tác tiếp thị, khai thác thị trường, tích cực tìm kiếm khách hàng đặc biệt là củng cố và phát triển thị trường gạo nội địa nhằm tăng cả về mạng lưới khách hàng và sản lượng tiêu thụ trong năm 2017 nhằm bù đắp lại sản lượng hợp đồng xuất khẩu tập trung bị thu hẹp; đẩy mạnh xuất khẩu gạo trực tiếp, mở rộng thị trường gạo đặc sản, gạo cao cấp; tổ chức thu mua lúa, gạo khi vào vụ với chất lượng và giá tốt nhất; nâng cao hiệu quả công tác thông tin, dự báo thị trường.

Công ty xác định thị trường nội địa là nền tảng kinh doanh bền vững và tiềm năng để tăng sản lượng, tăng hiệu quả kinh doanh lương thực năm 2017, do đó cần chú trọng đẩy mạnh công tác xây dựng, tiếp cận hệ thống phân phối, cải



tiến chất lượng sản phẩm, cải tiến bao bì cho phù hợp với từng phân khúc khác hàng.

Thị trường xuất khẩu phải giữ được những thị trường, khách hàng hiện có, phải chú trọng mở rộng thị trường, tìm kiếm thêm khách hàng mới, tập trung vào những thị trường, khách hàng nhập khẩu có nhu cầu về các loại gạo thơm, nếp, huyết rồng

Tổ chức quản lý tốt chất lượng tại vùng nguyên liệu do Công ty quản lý thu mua, cải tiến mạnh mẽ công tác thu mua và quản lý chất lượng đầu vào, quản lý chất lượng, cơ cấu hàng tồn kho phù hợp với nhu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu.

Chú trọng nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động trong kinh doanh của lãnh đạo và đội ngũ cán bộ, nhân viên của Xí nghiệp và Công ty.

Tập trung đầu tư công nghệ, máy móc thiết bị, kho tàng, nhà xưởng nhằm ổn định chất lượng và giảm chi phí sản xuất.

#### **Mặt hàng Bao bì – Mỹ nghệ:**

- Về bao bì tập trung quản lý chất lượng sản phẩm bao bì, hạn chế tối đa sản phẩm hỏng và phế phẩm, tăng thu hồi; tích cực tiếp thị để tiêu thụ sản phẩm trong thị trường nội địa lẫn xuất khẩu.

- Về Mỹ nghệ: Tập trung nghiên cứu chế tạo máy móc, thiết bị, công cụ hỗ trợ, đưa vào ứng dụng sản xuất một số công đoạn thay thế cho lao động nhằm đáp ứng thực trạng không thu tuyển được lao động để sản xuất mặt hàng này trong nhiều năm qua. Chú trọng đào tạo tay nghề, thu tuyển công nhân mỹ nghệ để đảm bảo đủ năng lực sản xuất giao hàng kịp thời; quan tâm quản lý chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất và bảo quản.

- Tìm mọi biện pháp để giảm giá thành, đặc biệt đối mặt hàng Mỹ nghệ phải tăng tỷ lệ thu hồi sậy, giảm tối đa lúa phế, rơm phế để tận dụng làm shin, nhằm hạn chế sử dụng rơm, tiết kiệm tối đa nguyên liệu đầu vào xem đây làm nhiệm vụ chính trị hàng đầu của năm 2017 để tiết giảm chi phí và tăng lợi nhuận cho Công ty trong điều kiện khó tăng sản lượng và chi phí mua lúa, rơm ngày càng tăng.

- Tận dụng tối đa nguyên vật liệu sau gia công, sơ chế để đưa vào sản xuất phù hợp với tính chất của từng sản phẩm.

#### **Mặt hàng Cơ khí – Bê tông-VLXD:**

- Tiếp tục cải tiến mẫu mã và năng suất thiết bị các sản phẩm cơ khí, đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng. Chú trọng lao động kỹ thuật có trình độ tay nghề và sắp xếp hợp lý lao động phổ thông trong các tổ đội sản xuất. Tăng cường công tác tiếp thị chăm sóc khách hàng đặc biệt là khách hàng truyền thống để tư vấn trong việc nâng cấp thiết bị chuyên, thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu chất lượng gạo ngày càng cao.

- Tích cực khai thác khách hàng tiêu thụ Bê tông tươi và vật liệu xây dựng để tăng sản lượng và thị phần tiêu thụ tương ứng với năng lực thiết bị hiện có của Công ty. Do thị phần của địa bàn Bến Lức bị cạnh tranh gay gắt và chia nhỏ do có rất nhiều trạm bê tông (như Nguyễn Thịnh, IBS, Đồng Tâm 620, Hồng Hà, Minh Quân,..) nên bộ phận bán hàng cần đẩy mạnh tiếp thị, khai thác các khu vực, Thủ Thừa, Tân Trụ, Châu Thành, Thạnh Hóa và các huyện lân cận của tỉnh Tiền Giang nhằm phát huy hiệu quả năng lực đầu tư và hoàn thành kế hoạch sản lượng tiêu thụ đã đề ra.

Chú trọng lao động kỹ thuật có trình độ tay nghề và sắp xếp hợp lý lao động phổ thông trong các tổ đội sản xuất.

Tích cực nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới của mặt hàng bê tông đó là cột bê tông để sớm đưa vào hoạt động SXKD trong năm 2017.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.**

##### **4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Năm 2016 mặc dù nền kinh tế nước ta còn nhiều khó khăn, đặc biệt là mặt hàng lương thực khi giá cả thế giới luôn ở mức thấp trong một thời gian dài, nhưng Công ty đã có những nhận định, định hướng đúng, chỉ đạo kịp thời cho từng ngành hàng, phát huy những ngành hàng có thế mạnh như thủ công mỹ nghệ và bê tông tươi, đây là hai mặt hàng phát triển ổn định và có hiệu quả tốt góp phần lớn vào hiệu quả chung của Công ty; các ngành hàng khác tuy còn gặp nhiều khó khăn khi phải cạnh tranh khốc liệt về giá bán, về thị trường tiêu thụ, nhưng Ban điều hành Công ty đã nỗ lực rất lớn, khắc phục mọi khó khăn, đề ra nhiều biện pháp, giải pháp phù hợp, linh hoạt để tất cả các mặt hàng kinh doanh của Công ty đều có hiệu quả, đảm bảo việc làm, thu nhập và đời sống người lao động. Đạt được kết quả trên, trước hết là do sự nỗ lực của tập thể CBCNV-NLĐ trong toàn Công ty và sự quan tâm của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam cũng như sự ủng hộ của các đơn vị thành viên trong hệ thống Tổng Công ty, của khách hàng đã tín nhiệm sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của Công ty.

Mặc dù có nhiều nỗ lực và cố gắng trong chỉ đạo và điều hành nhưng một số chỉ tiêu vẫn chưa đạt kế hoạch như doanh thu và sản lượng mua vào bán ra; về lợi nhuận đạt 100% so với kế hoạch và đạt 104,24% so với cùng kỳ năm 2015.

Nguyên nhân khách quan là do ảnh hưởng tình hình kinh tế - xã hội chung của cả nước, tình hình kinh tế thế giới chưa khởi sắc;

Nguyên nhân chủ quan đó là: Cũng còn một vài cán bộ còn thụ động, ngại đổi mới tư duy về cách nghĩ, cách làm, sợ trách nhiệm nên việc tham mưu, đề xuất còn hạn chế, nhất là công tác cải tiến sản phẩm, cải tiến máy móc thiết bị, xây dựng hệ thống kinh doanh và tiếp thị, khai thác khách hàng, mở rộng thị trường làm cho khả năng cạnh tranh một số ngành hàng còn thấp.

Do đó, Ban điều hành Công ty đã rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm và làm cơ sở để điều chỉnh công tác quản trị điều hành và đề ra các giải pháp thực hiện tốt hơn hoạt động SXKD trong năm 2017.

##### **4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc:**

Nhìn chung trong năm 2016 bối cảnh khó khăn chung trong việc tiêu thụ hàng hóa nội địa và xuất khẩu nhất là mặt hàng lương thực tiêu thụ chậm, thị trường giao dịch trầm lắng, bị cạnh tranh gay gắt, mặt hàng bao bì số lượng tiêu thụ giảm sút do ảnh hưởng của việc tiêu thụ gạo chung cả nước; mặt hàng cơ khí giảm doanh số khá lớn do ảnh hưởng của việc tiêu thụ gạo xuất khẩu giảm nên khách hàng không mở rộng sản xuất chỉ có mặt hàng mỹ nghệ còn giữ được khách hàng truyền thống, mặt hàng bê tông tươi có doanh thu tăng trưởng.

Nhưng Ban điều hành Công ty đã thể hiện rất tốt vai trò trong lãnh đạo, chỉ đạo, đã lãnh đạo Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ trong năm 2016, thực hiện theo

đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cũng như các quy định của pháp luật, không để phát sinh công nợ khó đòi và kinh doanh có hiệu quả, tạo được việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV, Ban lãnh đạo công ty đã nỗ lực tìm kiếm khách hàng trong và ngoài nước để bán ra sản phẩm nhất là ngành hàng bê tông tươi và vật liệu xây dựng. Tổng doanh thu trong năm 2016 đạt 91,95% so với năm 2015 nhưng lợi nhuận trong năm 2016 đạt 104,24% so với năm 2015 đây là nỗ lực rất lớn của toàn thể CBCNV Công ty cần được biểu dương

#### **4.3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.**

- Duy trì sản xuất ổn định và kiểm soát chặt chẽ các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm cung ứng cho khách hàng.

- Cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng: Giao hàng đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng sản phẩm chính xác theo hợp đồng.

- Tăng cường công tác quảng bá thương hiệu và sản phẩm trên website, các phương tiện thông tin đại chúng.

- Với chiến lược phát triển bền vững, trong thời gian tới Công ty xác định tập trung đầu tư mới máy móc thiết bị để phát triển ngành lương thực, cơ khí, Bê tông -VLXD và bao bì. Bên cạnh đó tiếp tục duy trì ổn định mặt hàng mỹ nghệ.

- Đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng tiềm năng ở những thị trường mới thông qua các hội chợ nông sản quốc tế.

- Không ngừng nghiên cứu sản xuất ra các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Tổ chức thực hiện phương án đầu tư cánh đồng lớn năm 2017; triển khai thực hiện liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm vụ mùa Đông Xuân năm 2017, cụ thể:

+ Bao tiêu sản phẩm với nông dân thông qua HTX Tân Đồng Tiến tại 4 xã Tân Lập, Nhơn Ninh, Hòa Lập, Nhơn Hòa thuộc huyện Tân Thạnh; HTX Hương Trang xã Bình Hòa Trung- Huyện Mộc Hóa; HTX Phước Tuyền xã Thường Thới Tiền- Hồng Ngự - Đồng Tháp với diện tích khoảng 1.150 ha.

+ Liên kết với các doanh nghiệp cung ứng, hợp tác xã, thương lái và các doanh nghiệp sơ chế để thực hiện công tác thu mua, vận chuyển, sấy, sơ chế, ...phục vụ công tác cánh đồng lớn theo phương án năm 2017.

### **V. Quản trị Công ty**

#### **5.1. Hội đồng quản trị**

##### **5.1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT**

Hội đồng quản trị có 05 thành viên trong đó 03 thành viên trực tiếp điều hành và 02 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành.

+ 02 thành viên không trực tiếp điều hành:

Ông Phạm Văn Tô                      Ủy viên

Ông Lê Hoàng Nhữ                    Ủy viên

+ 03 thành viên trực tiếp điều hành:

Ông Lê Văn Lộc                      Chủ tịch

Ông Nguyễn Văn Kiệt              Ủy viên-Tổng Giám đốc Công ty

Ông Nguyễn Bình Hiền Ủy viên-Phó Tổng Giám đốc Công ty  
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT tại ngày 31/12/2016.

Họ và tên	Số lượng CP	Tỷ lệ	Ghi chú
Ông Lê Văn Lộc	2.110.700	26,384%	Trong đó đại diện vốn nhà nước là 26%
Ông Phạm Văn Tò	1.413.000	17,663%	Trong đó đại diện vốn nhà nước là 17%
Ông Lê Hoàng Nhữ	-	-	
Ông Nguyễn Văn Kiệt	1.370.600	17,132%	Trong đó đại diện vốn nhà nước là 17%
Ông Nguyễn Bình Hiền	26.980	0,3372%	Vốn cá nhân là 0,3372%
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.921.280</b>	<b>61,516%</b>	

Cổ phần thuộc vốn cá nhân, khác có 3.078.720 cổ phần, chiếm tỷ lệ 38,484% vốn điều lệ.

#### 5.1.2. Các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành Viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Lê Văn Lộc	Chủ tịch HĐQT	6/6	100 %	
2	Nguyễn Văn Kiệt	UV HĐQT	6/6	100 %	
3	Lê Hoàng Nhữ	UV HĐQT	6/6	100 %	
4	Nguyễn Bình Hiền	UV HĐQT	6/6	100 %	
5	Phạm Văn Tò	UV HĐQT	6/6	100 %	

#### 5.1.3. Hoạt động của HĐQT:

Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp, các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, Hội đồng quản trị luôn bám sát định hướng của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của Công ty đề ra các Nghị quyết, Quyết định các nội dung chủ yếu thuộc chức trách, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị để chỉ đạo, quản lý giám sát các hoạt động của Công ty.

Kiểm tra chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong các công việc sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2016 và Nghị quyết của HĐQT.

- Giám sát công tác chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016 đã đề ra, đồng thời Chủ tịch HĐQT tham gia các cuộc họp hàng Quý với Ban Tổng giám đốc và các phòng ban, đơn vị để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp.

-Thực hiện chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 cho phù hợp với thực tế của Công ty.

- Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường tới UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

- Ban hành kịp thời các Nghị quyết, quyết định, văn bản thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT.

- Ngoài ra, khi có phát sinh những vấn đề thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty đều xin ý kiến của HĐQT bằng việc triệu tập cuộc họp hoặc bằng văn bản và phải có sự thống nhất của tất cả các thành viên trong HĐQT.

## 5.2. Ban kiểm soát

### 5.2.1. Thành viên Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên:

Họ tên	Chức vụ	Số CP	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Ông Võ Văn Lệt	TBKS	6.400	0.08	
Bà Nguyễn Thị Bày	TV BKS	1.142	0,0142	
Bà Trần Thị Yến	TV BKS	41.700	0,5212	

### 5.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty trong việc quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016 cụ thể:

Kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán Công ty đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Xem xét báo cáo tài chính định kỳ hàng tháng, quý và cả năm. Từ đó phân tích đánh giá tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn.

Tham gia phối hợp cùng đơn vị kiểm toán về phạm vi, nội dung thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 thẩm định báo cáo tài chính năm 2016 trước và sau kiểm toán, đồng thời xem xét các ý kiến của kiểm toán viên độc lập. Ban kiểm soát đã nhận định Báo cáo tài chính năm 2016 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2016.

Bên cạnh đó Ban kiểm soát đều tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng quý giữa Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc để nghe Ban Tổng giám đốc báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh từng quý và mục tiêu phương hướng hoạt động tiếp theo nhằm hoàn thành kế hoạch đề ra trong năm 2016, xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2017. Từ đó, Ban kiểm soát tham gia đóng góp ý kiến của mình trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

### **5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát.**

#### **5.3.1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (người/tháng):**

Thành viên HĐQT: 4.600.000 đồng, thành viên ban kiểm soát: 2.100.000 đồng.

#### **5.3.2. Giao dịch của cổ đông nội bộ: Không có**

## **VI. Báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán theo đúng qui định của pháp luật về kế toán:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Thuyết minh báo cáo tài chính
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

*(Toàn văn báo cáo tài chính năm 2016 đã kiểm toán được đăng tải trên website [www.mecofood.com.vn](http://www.mecofood.com.vn), trang thông tin cổ đông)*

### **6.1. Kiểm toán độc lập**

- Đơn vị kiểm toán độc lập: CN Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán (AASC). Báo cáo của kiểm toán độc lập dựa trên những cơ sở và ý kiến của kiểm toán viên như sau:

#### **Trách nhiệm của kiểm toán viên:**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**6.2 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016*

*DVT: VND*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		118.275.572.062	112.027.281.033
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		10.226.993.321	2.997.842.162
1. Tiền	111		10.226.993.321	2.997.842.162
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		28.095.430.556	40.864.091.118
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		23.501.103.301	32.086.931.626
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.552.587.800	8.726.008.500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		2.710.680.130	7.720.091.667
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-7.668.940.675	-7.668.940.675
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		79.861.919.378	68.164.990.053
1. Hàng tồn kho	141		79.861.919.378	68.164.990.053

166  
NG  
PH  
ÁP  
JON  
JC  
AN

2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	91.228.807	357.700
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	91.228.807	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		357.700
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	50.333.839.061	43.078.093.009
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	90.200.000	90.200.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		
6. Phải thu dài hạn khác	216	90.200.000	90.200.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	49.636.999.417	42.109.352.840
1. Tài sản cố định hữu hình	221	49.636.656.930	42.084.958.297
- Nguyên giá	222	103.118.977.971	90.477.119.350
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	-53.482.321.041	-48.392.161.053
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		
- Nguyên giá	225		
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		
3. Tài sản cố định vô hình	227	342.487	24.394.543
- Nguyên giá	228	737.803.229	737.803.229
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	-737.460.742	-713.408.686
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		
- Nguyên giá	231		
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	388.625.964	615.566.614
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	388.625.964	615.566.614
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		
1. Đầu tư vào công ty con	251		
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	218.013.680	262.973.555
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	86.526.903	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	131.486.777	262.973.555
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		



4. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		168.609.411.123	155.105.374.042
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		50.632.958.017	39.230.938.463
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		50.632.958.017	39.230.938.463
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		5.729.441.658	4.149.095.953
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.358.287.708	13.624.242.987
3. Thuế và các khoản phía nộp Nhà nước	313		643.295.184	1.400.356.603
4. Phải trả người lao động	314		3.627.783.870	9.306.405.563
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		60.046.941	214.247.116
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		2.410.488.305	528.336.880
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		29.141.140.000	5.625.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		701.858.766	1.946.015.876
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.960.615.585	2.437.237.485
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		117.976.453.106	115.874.435.579
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		117.976.453.106	115.874.435.579
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-76.363.636	-76.363.636
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			

8. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.109.595.702	22.162.863.702
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.943.221.040	13.787.935.513
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.238.508.410	1.888.925.197
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.704.712.630	11.899.010.316
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>168.609.411.123</b>	<b>155.105.374.042</b>

**-Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016**

*DVT: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	422.769.335.278	459.701.269.283
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.26		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.27	422.769.335.278	459.701.269.283
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	369.328.959.890	406.030.076.745
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		53.440.375.388	53.671.192.538
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	413.424.081	3.572.547.985
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	3.612.395.493	5.278.599.650
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.640.182.410	5.144.236.329
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.33	17.128.763.252	17.765.620.538
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.33	19.748.602.075	23.586.665.130
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		13.364.038.649	10.612.855.205
12. Thu nhập khác	31		2.648.407.753	5.127.868.196
13. Chi phí khác	32		5.000.000	391.674.689
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.643.407.753	4.736.193.507
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		16.007.446.402	15.349.048.712
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	3.054.846.994	3.657.811.951
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	131.486.778	-262.973.555
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		12.821.112.630	11.954.210.316
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61		-	-
20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.402	1.308
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016 (Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		422.624.900.121	471.336.537.893
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		365.651.760.991	-406.093.990.488
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		-40.221.127.405	-39.042.510.017
4. Tiền chi trả lãi vay	4		-2.640.182.410	-5.174.901.499
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		-3.420.632.045	-3.542.530.352
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		128.207.684.835	143.254.979.885
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		133.533.881.602	-131.272.594.937
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>5.365.000.503</b>	<b>29.464.990.485</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-12.885.660.442	-10.512.539.682
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		84.609.090	180.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-20.600.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			20.600.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		356.525.175	2.352.548.955
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>-12.444.526.177</b>	<b>-7.979.990.727</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		248.983.162.860	408.897.868.914
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		226.106.426.860	-422.288.108.229
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-8.480.000.000	-12.800.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài</b>	<b>40</b>		<b>14.396.736.000</b>	<b>-26.190.239.315</b>

<i>chính</i>				
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		7.317.210.326	-4.705.239.557
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.997.842.162	7.703.144.478
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-88.059.167	-62.759
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	VII.34	10.226.993.321	2.997.842.162

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2016, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty xin báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và toàn thể cổ đông được biết.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CTY  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Văn Kiệt*